

Số: **20** /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 7286/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Nghệ An và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam

năm 2012; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển, tầm nhìn, các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá

2.1. Quan điểm phát triển

a) Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm tính tuân thủ, kế thừa, ổn định và phát triển; thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và các chiến lược, quy hoạch có liên quan; phát huy tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược và vai trò của Nghệ An trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước;

b) Phát triển kinh tế nhanh, bền vững, chuyển mạnh từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; lấy đổi mới thể chế và quản trị làm đòn bẩy phát triển. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế, giá trị gia tăng cao, hình thành các động lực tăng trưởng mới; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp và các mô hình kinh tế mới phù hợp. Kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực các doanh nghiệp địa phương; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, đồng thời thu hút hiệu quả, có chọn lọc đầu tư trực tiếp nước ngoài để tạo đột phá phát triển;

c) Tổ chức không gian phát triển thống nhất, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, liên kết nội tỉnh, liên kết vùng. Ưu tiên phát triển khu vực đồng bằng, ven biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị, hành lang kinh tế và vùng động lực; đồng thời, có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển khu vực phía Tây theo hướng sinh thái, bền vững, gắn với liên kết Đông - Tây, kết nối với Lào và tiểu vùng Mê Công mở rộng, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng;

d) Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực với các hình thức đầu tư phù hợp. Gắn phát triển kinh tế, xã hội với bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, nhất là bão, lũ, ngập úng, sạt lở và nước biển dâng;

đ) Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ ý chí tự lực, tự cường, bản lĩnh, truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa xứ Nghệ và khát vọng vươn lên của Nhân dân;

lấy con người làm trung tâm, giá trị lịch sử, văn hóa và truyền thống đoàn kết làm nền tảng, nguồn lực nội sinh và động lực cho sự phát triển. Phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh hợp tác phát triển liên kết vùng, đối ngoại và hội nhập quốc tế; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị; xây dựng xã hội văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển.

2.2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng có vai trò động lực của vùng Bắc Trung Bộ và tầm quốc gia; phát triển nhanh, bền vững, mạnh về kinh tế biển; là trung tâm của vùng về công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, thương mại, logistics và du lịch, đồng thời là đầu mối kết nối giao thương Đông - Tây với Lào và tiểu vùng Mê Công mở rộng. Phát triển kinh tế bền vững gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đời sống Nhân dân không ngừng được nâng cao; các giá trị văn hóa, hệ sinh thái rừng, biển, đảo được bảo tồn và phát huy; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển đảo.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11 - 12%, phấn đấu đạt trên 12%;

(2) Cơ cấu GRDP: nông, lâm, ngư nghiệp 13 - 13,5%; công nghiệp và xây dựng 41 - 41,5%; dịch vụ 40 - 40,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,5 - 5%;

(3) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 165 - 190 triệu đồng;

(4) Kim ngạch xuất khẩu đạt 9 tỷ USD;

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 12%/năm;

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 1.150 nghìn tỷ đồng;

(7) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 25 - 30%;

(8) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 57,3%;

(9) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 55%;

(10) Số doanh nghiệp hoạt động khoảng 30 - 32 nghìn doanh nghiệp;

(11) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40 - 45%;

- Về xã hội:

- (12) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75 - 75,5 tuổi;
- (13) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,78;
- (14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 77%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 38%;
- (15) Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2,5%/năm;
- (16) Tốc độ tăng năng suất lao động giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10 - 11%;
- (17) Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân đạt 17 người;
- (18) Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt hơn 50 giường;
- (19) Bảo hiểm xã hội:
 - + Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt hơn 97,5%;
 - + Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 42%;
- (20) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 85,19%;
- (21) Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 0,5 - 1,5%/năm;
- (22) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt 8.179 nghìn đồng;
- (23) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 60%;
- (24) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 65%, trong đó nông thôn mới hiện đại đạt 10%;
- (25) Xây dựng nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt 25.400 căn hộ.
- Về quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:
- (26) Tỷ lệ che phủ rừng 58%;
- (27) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 99%;
- (28) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;
- (29) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 97%;
- (30) Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;
- Về quốc phòng, an ninh:
- (31) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hàng năm đạt >80%;
- (32) Tỷ lệ đơn vị cấp xã sạch về ma túy đạt 58%.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2050

Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh,

hiện đại; nền kinh tế phát triển đạt trình độ cao, cơ cấu kinh tế hiện đại, có khả năng cạnh tranh quốc tế; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, kết nối thông suốt; chất lượng sống của Nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới, biển, đảo được giữ vững.

2.4. Nhiệm vụ trọng tâm

a) Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, xanh, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu. Phát triển đồng bộ, bền vững các trụ cột kinh tế. Đồng thời, định hình rõ nét mô hình phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế tầm thấp và các mô hình kinh tế mới phù hợp;

b) Tập trung hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số và hạ tầng đô thị; hình thành mạng lưới kết nối liên vùng, liên tỉnh, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ;

c) Phát triển không gian kinh tế theo hướng liên kết, hiện đại, bền vững; hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, hệ thống đô thị và khu vực nông thôn. Tăng cường liên kết nội tỉnh, liên vùng và hợp tác quốc tế; kết nối Đông - Tây với Lào và tiểu vùng Mê Công. Mở rộng, khai thác hiệu quả các trục giao thông chiến lược, hành lang kinh tế và không gian phát triển mới;

d) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý nhà nước, kinh tế, văn hóa - xã hội; xây dựng chính quyền số hiệu quả; phát triển xã hội số gắn với xây dựng công dân số;

đ) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đời sống Nhân dân, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Phát huy văn hóa, con người Nghệ An là sức mạnh mềm, nguồn lực nội sinh. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

2.5. Các đột phá phát triển

Thực hiện 03 đột phá chiến lược, gồm:

a) Đột phá về thể chế, cơ chế chính sách và môi trường đầu tư kinh doanh

Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền theo hướng kiến tạo phát triển, khơi thông nguồn lực, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản; chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực

mới cho phát triển Nghệ An. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ công và chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển dựa trên dữ liệu, kết quả và hiệu quả thực thi.

b) Đột phá về phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và các ngành kinh tế mũi nhọn; đổi mới giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động, doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thu hút, trọng dụng nhân tài, lao động kỹ thuật cao, phát huy nguồn lực người Nghệ An trong và ngoài tỉnh.

Phát triển hệ sinh thái khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Từng bước hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ số, hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế mới dựa trên công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo.

c) Đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng tổ chức lại không gian phát triển

Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các công trình hạ tầng chiến lược có tính kết nối, lan tỏa lớn như đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao đoạn qua Nghệ An, Cảng hàng không quốc tế Vinh, Cảng nước sâu Cửa Lò, cụm cảng Đông Hồi, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, logistics, năng lượng sạch, thủy lợi và phòng chống thiên tai. Phát triển hạ tầng gắn với tổ chức lại không gian phát triển mới; tăng cường kết nối vùng động lực phía Đông với vùng trung du, khu vực phía Tây. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, viễn thông, khoa học - công nghệ, hạ tầng đô thị thông minh; đổi mới phương thức đầu tư, mở rộng hợp tác công - tư, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác, vận hành hạ tầng, tạo nền tảng phát triển các ngành, lĩnh vực trụ cột và mô hình kinh tế mới.

3. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức không gian kinh tế - xã hội theo mô hình: 01 trung tâm động lực tăng trưởng chính, 02 cực tăng trưởng, 03 vùng không gian phát triển kinh tế - xã hội, 04 trụ cột phát triển, 05 hành lang kinh tế và 06 trung tâm đô thị động lực.

a) Một trung tâm động lực tăng trưởng chính: Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, định hướng phát triển theo mô hình khu kinh tế tự do, giữ vai trò hạt nhân trong thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics, cảng biển, đô thị và kinh tế biển để tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng thu ngân sách và lan tỏa phát triển đến các khu vực khác trong tỉnh.

b) Hai cực tăng trưởng

Tổ chức phát triển 02 cực tăng trưởng nhằm hỗ trợ, bổ sung và lan tỏa động lực phát triển từ trung tâm động lực tăng trưởng chính đến các vùng trong tỉnh.

- Cực tăng trưởng phía Nam: Khu vực đô thị Vinh gắn với Cửa Lò, giữ vai trò trung tâm tổng hợp của tỉnh Nghệ An và vùng Bắc Trung Bộ, kết nối hợp tác phát triển khu vực Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh. Tập trung các chức năng chủ yếu về chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch và logistics. Định hướng phát triển theo mô hình đô thị hiện đại, thông minh, xanh, có chất lượng sống cao;

- Cực tăng trưởng phía Bắc: Khu vực Hoàng Mai - Đông Hồi gắn với vùng Thái Hòa, Nghĩa Đàn giữ vai trò động lực phát triển khu vực phía Bắc và Tây Bắc, hướng đến hình thành tam giác phát triển khu vực Bắc Nghệ An - Nam Thanh Hóa (Khu vực Hoàng Mai, Đông Hồi Nghệ An - Khu kinh tế Nghi Sơn - Khu vực Tây Bắc Nghệ An. Khu vực Hoàng Mai - Đông Hồi tập trung phát triển công nghiệp, cảng biển, năng lượng, logistics, dịch vụ và đô thị; khu vực Thái Hòa - Nghĩa Đàn phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thương mại, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và logistics nội vùng.

c) Ba vùng không gian phát triển kinh tế - xã hội

- Vùng đồng bằng, ven biển: vùng động lực phát triển của tỉnh, tập trung phát triển công nghiệp, đô thị, cảng biển, logistics, thương mại, dịch vụ, du lịch biển và kinh tế biển; gắn với Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, chuỗi đô thị ven biển từ Vinh đến Hoàng Mai và các không gian phát triển ven biển;

- Vùng trung du: vùng kết nối, hỗ trợ và lan tỏa phát triển giữa vùng ven biển với vùng miền núi phía Tây; tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thương mại, dịch vụ, logistics nội vùng và các đô thị trung tâm;

- Vùng miền núi phía Tây: không gian sinh thái và phát triển bền vững; gắn với bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, an ninh nguồn nước, kinh tế cửa khẩu, kinh tế rừng, tín chỉ carbon, dược liệu, du lịch sinh thái - cộng đồng và bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới.

d) Bốn trụ cột phát triển

- Công nghiệp là động lực đột phá, trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ;

- Thương mại, dịch vụ hiện đại là mũi nhọn, trọng tâm là logistics, tài chính
- ngân hàng, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chất lượng cao;
- Nông nghiệp là nền tảng, trọng tâm là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị;
- Kinh tế biển là trụ cột quan trọng, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

đ) Năm hành lang kinh tế: (i) Hành lang kinh tế ven biển gắn với Quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường ven biển, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao, định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, cảng biển, logistics, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển; (ii) Hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, dược liệu, vật liệu xây dựng, dịch vụ và du lịch sinh thái; (iii) Hành lang kinh tế Quốc lộ 7A gắn với cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn, định hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics, lâm nghiệp, dược liệu, du lịch sinh thái - cộng đồng và hợp tác Đông - Tây; (iv) Hành lang kinh tế Quốc lộ 48A, định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp, dược liệu, công nghiệp chế biến, khai thác - chế biến khoáng sản, thương mại và dịch vụ; (v) Hành lang kinh tế cao tốc Vinh - Thanh Thủy, Quốc lộ 46, định hướng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa - lịch sử, logistics, kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp hàng hóa và giao thương quốc tế với Lào.

e) Sáu vùng đô thị động lực: (i) Đô thị Vinh; (ii) Đô thị Hoàng Mai; (iii) Đô thị Thái Hòa; (iv) Đô thị Diễn Châu; (v) Đô thị Đô Lương; (vi) Đô thị Trà Lân (Con Cuông).

3.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

- Phát triển công nghiệp Nghệ An theo hướng hiện đại, xanh, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm; lấy công nghiệp chế biến, chế tạo làm trụ cột, đồng thời thu hút có chọn lọc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược, có giá trị gia tăng và khả năng lan tỏa lớn. Ưu tiên phát triển điện tử, công nghệ thông tin, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo (AI), cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, tự động hóa, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, năng lượng sạch, vật liệu mới và công nghiệp biển; gắn phát triển công nghiệp với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường;

- Phát triển khu vực dịch vụ trở thành một trong các trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An, gắn với mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về thương mại, logistics, du lịch, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chuyển mạnh từ mô hình dịch vụ truyền thống, phân tán sang mô hình dịch vụ hiện đại, chuyên nghiệp, giá trị gia tăng cao, có khả năng hỗ trợ trực tiếp cho công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, kinh tế biển, đô thị hóa, thương mại biên giới và hội nhập quốc tế;

- Phát triển du lịch Nghệ An theo hướng bền vững, chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả; gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc xứ Nghệ và bảo vệ môi trường sinh thái. Phấn đấu đưa du lịch Nghệ An trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là trung tâm du lịch quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ và điểm đến hấp dẫn của cả nước, khu vực Đông Nam Á.- Phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng hiện đại, xanh, hiệu quả, bền vững; chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển kinh tế biển Nghệ An theo hướng xanh, hiện đại, thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chuyển từ khai thác lợi thế biển theo từng ngành riêng lẻ sang phát triển tổng hợp, tích hợp theo không gian ven biển; phát huy vai trò của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và dải ven biển của tỉnh.

b) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

- Giáo dục và Đào tạo: Phát triển theo hướng đổi mới toàn diện, hiện đại, bền vững, đáp ứng mục tiêu phát triển con người, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo các cấp học, xây dựng, cơ sở vật chất đạt chuẩn; bảo đảm phẩm chất, năng lực người học đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hướng đến hệ thống giáo dục mở, giáo dục số;

- Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Xây dựng và phát triển hệ thống y tế Nghệ An hiện đại, thông minh, toàn diện, chất lượng và bền vững; chuyển trọng tâm từ khám, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, quản lý và chăm sóc sức khỏe toàn diện; là trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, chuyên sâu trong cả khám chữa bệnh và y tế dự phòng, thúc đẩy chuyển đổi số y tế toàn diện. Bảo đảm mọi người dân, đặc biệt là khu vực miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, kịp thời và chất lượng cao. Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng, trình độ nhân lực ngành y tế. Đa dạng hóa hình thức đầu tư, thu hút xã hội hóa, nhất là phát triển y tế chất lượng cao;

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững của tỉnh. Xây dựng Nghệ An thành trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ với trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; ưu tiên phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh về khoa học, công nghệ; đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; ứng dụng công nghệ số, công nghệ chiến lược, công nghệ xanh và các công nghệ tiên tiến trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Nghiên cứu bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước, quốc tế vào doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Văn hóa và thể thao: Xây dựng văn hoá và con người Nghệ An phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm văn hóa; trung tâm đào tạo, huấn luyện các môn thể thao trọng điểm của khu vực Bắc Trung Bộ, đồng thời là trung tâm phụ trợ huấn luyện nâng cao thành tích thể thao của quốc gia. Ưu tiên đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử - văn hoá có giá trị tiêu biểu đã được xếp hạng và các di sản văn hoá phi vật thể gắn với phát triển du lịch; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với bảo vệ không gian văn hóa, môi trường sinh thái các dân tộc thiểu số và văn hóa vùng miền Tây. Đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, ưu tiên các lĩnh vực thể mạnh;

- Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là tại các xã vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm an sinh xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội, đặc biệt là đối với người nghèo, người có công, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đối tượng yếu thế; thu hẹp chênh lệch vùng miền;

- Quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Củng cố, xây dựng tiềm lực quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân; kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại; giữ vững chủ quyền biên giới trên đất liền, biển, đảo; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển.

4. Phương hướng phát triển đô thị và nông thôn

4.1. Phương hướng phát triển đô thị

- Phát triển đô thị toàn tỉnh theo mô hình mạng lưới đô thị đa trung tâm, đa cực với cấu trúc gồm 01 đô thị trung tâm cấp vùng là đô thị Vinh, cùng với các đô thị động lực gồm: Hoàng Mai, Thái Hòa, Đô Lương, Diễn Châu, Trà Lĩnh và hệ thống đô thị trung tâm cấp xã; bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng đồng bằng ven biển, trung du và miền núi phía Tây;

- Tập trung hình thành dải đô thị ven biển từ Vinh đến Hoàng Mai. Phát triển hệ thống đô thị ven biển theo hướng hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, thương mại và đổi mới sáng tạo gắn với các cực tăng trưởng phía Nam và phía Bắc;

- Đô thị Vinh là hạt nhân trung tâm, phát triển lan tỏa ra các khu vực lân cận theo ba hướng chính. Phía Tây ưu tiên phát triển đô thị theo định hướng giao

thông công cộng (TOD) gắn với ga đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và các trục giao thông động lực. Phía Bắc gắn với hệ thống khu công nghiệp, hành lang Quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam và Khu kinh tế Đông Nam. Phía Đông phát triển vành đai sinh thái, dịch vụ và không gian công cộng ven sông Lam; các khu đô thị chất lượng cao, trung tâm dịch vụ hỗn hợp; hình thành trục cảnh quan sông Lam trở thành không gian đặc trưng và biểu tượng mới của đô thị Vinh;

- Các đô thị vùng miền núi được phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế sinh thái, kinh tế cửa khẩu, du lịch và đặc trưng văn hóa địa phương.

4.2. Phương hướng phát triển nông thôn

- Phát triển nông thôn gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và đặc trưng của từng vùng; hình thành không gian dân cư nông thôn theo hướng hiện đại, văn minh, đồng thời kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống. Hiện đại hóa nông thôn gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng sống của người dân;

- Tổ chức, sắp xếp không gian nông thôn theo hướng tiết kiệm quỹ đất, sử dụng hiệu quả hạ tầng, gắn với các vùng sản xuất tập trung, làng nghề, trung tâm dịch vụ và các hành lang kinh tế; từng bước chỉnh trang, nâng cấp mô hình làng, xã, bản phù hợp với điều kiện địa phương, bảo đảm ổn định lâu dài, thích ứng với thiên tai và hạn chế phát triển tại các khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét;

- Tăng cường liên kết giữa khu vực nông thôn với đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các trung tâm dịch vụ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực nông thôn với đô thị, giữa miền núi và đồng bằng.

5. Phương hướng phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất tập trung

5.1. Khu Kinh tế

a) Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An

- Phát triển Khu kinh tế Đông Nam trở thành khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, đa chức năng, là trung tâm động lực tăng trưởng chính của tỉnh; giữ vai trò động lực về phát triển công nghiệp, logistics, cảng biển, dịch vụ và kinh tế biển của Nghệ An và vùng Bắc Trung Bộ;

- Tổ chức phát triển mở rộng Khu kinh tế Đông Nam theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; hình thành 02 khu vực phát triển gắn với vùng đô thị Vinh - Cửa Lò - cảng Cửa Lò và Hoàng Mai - Đông Hồi - cảng Đông Hồi;

- Quản lý, khai thác hiệu quả không gian đất liền và không gian biển trong khu kinh tế; nghiên cứu lấn biển có chọn lọc để tạo quỹ đất phát triển cảng biển, logistics, đô thị - dịch vụ, du lịch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng năng lượng và các

ngành kinh tế biển, bảo đảm phù hợp quy hoạch, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh;

- Ưu tiên hoàn thiện hạ tầng khung, hạ tầng khu công nghiệp, logistics, cảng biển, đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng môi trường; tạo quỹ đất sạch để thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, dịch vụ hiện đại và kinh tế biển;

- Nghiên cứu nâng cấp mô hình phát triển Khu kinh tế Đông Nam theo định hướng Khu kinh tế tự do, đồng thời nghiên cứu mở rộng phạm vi ranh giới khu kinh tế theo dải ven biển để kết nối các khu vực phát triển động lực, phù hợp với điều kiện hạ tầng, yêu cầu quản lý, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; từng bước hình thành các phân khu công nghiệp - logistics hiện đại, cảng biển - hậu cần - thương mại tự do, đô thị - dịch vụ - đổi mới sáng tạo.

b) Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy

Thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây, khai thác hiệu quả tiềm năng hợp tác với Lào, Đông Bắc Thái Lan và các thị trường khu vực. Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy theo lộ trình phù hợp, trên cơ sở thỏa thuận song phương Việt Nam - Lào và quy định pháp luật hiện hành; bảo đảm yêu cầu về hạ tầng, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

5.2. Khu công nghệ cao

Phát triển Khu công nghệ cao trên cơ sở kế thừa khu công nghệ cao hiện có trong Khu kinh tế Đông Nam, từng bước hình thành không gian nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực, ươm tạo công nghệ và sản xuất công nghệ cao của tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực công nghệ số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, trung tâm dữ liệu; điện tử, thiết bị thông minh, bán dẫn ở phân khúc phù hợp; tự động hóa, cơ khí chính xác; công nghệ sinh học, vật liệu mới, vật liệu xanh, năng lượng sạch và công nghệ môi trường.

5.3. Khu du lịch

a) Khu du lịch quốc gia:

- Khu du lịch quốc gia Kim Liên: Phát triển thành trung tâm du lịch đặc biệt về văn hóa - lịch sử, du lịch về nguồn và giáo dục truyền thống của cả nước, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản, văn hóa xứ Nghệ trên nền tảng hệ giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng và lan tỏa sâu rộng không gian văn hóa Hồ Chí Minh;

- Khu du lịch Diễn Châu - Cửa Lò: Phát triển thành trung tâm du lịch biển, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí của vùng Bắc Trung Bộ; tập trung hình thành các tổ hợp du lịch chất lượng cao, du lịch đô thị biển, MICE và dịch vụ hiện đại gắn với thu hút nhà đầu tư chiến lược.

- b) Khu du lịch cấp tỉnh: Hình thành mạng lưới khu du lịch cấp tỉnh đa dạng, có tính liên kết và bổ trợ cho các khu du lịch quốc gia, gắn với hệ thống đô thị,

hàng lang giao thông và các tuyến du lịch của tỉnh. Tập trung phát triển các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái, cộng đồng, nghỉ dưỡng miền núi, văn hóa – tâm linh và trải nghiệm thiên nhiên trên cơ sở khai thác hiệu quả tài nguyên sinh thái, văn hóa và bản sắc địa phương.

5.4. Khu công nghiệp

- Phát triển hệ thống khu công nghiệp theo hướng tập trung, đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững; là không gian trọng tâm để thu hút, phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chiến lược, công nghệ mới phù hợp với lợi thế của tỉnh;

- Ưu tiên phát triển các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam; phát triển có chọn lọc các khu công nghiệp ngoài khu kinh tế tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, lao động, vùng nguyên liệu và kết nối giao thông.

5.5. Cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển của từng địa phương; hạn chế phát triển các cụm công nghiệp tại các địa bàn đã có khu kinh tế, khu công nghiệp. Ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tỷ lệ lấp đầy và khả năng xử lý môi trường; thu hút các dự án chế biến, chế tạo, chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng phù hợp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề theo hướng công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên, ít phát thải và thân thiện với môi trường. Hình thành các cụm công nghiệp vệ tinh cho khu công nghiệp, khu kinh tế và trung tâm sản xuất; gắn với vùng nguyên liệu, đô thị, logistics, đào tạo nghề và chuỗi liên kết sản xuất của tỉnh.

5.6. Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Xây dựng, hoàn thiện và vận hành Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất giống, trồng rừng và chế biến lâm sản công nghệ cao của vùng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển vùng nguyên liệu tập trung, rừng gỗ lớn và rừng được cấp chứng chỉ quản lý bền vững gắn với công nghiệp chế biến sâu lâm sản. Tăng cường liên kết giữa vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến, phát triển các sản phẩm gỗ và lâm sản có giá trị gia tăng cao, góp phần thúc đẩy phát triển lâm nghiệp bền vững, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

5.7. Khu công nghệ số tập trung

Hình thành Khu công nghệ số tập trung gắn với đô thị Vinh, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và các trục hạ tầng chiến lược, trở thành không gian tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Ưu tiên thu hút các lĩnh vực phần mềm, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, trung tâm dữ liệu, an toàn an ninh mạng, điện tử, bán dẫn và các ứng dụng công nghệ

số phục vụ công nghiệp, logistics, thương mại, du lịch, nông nghiệp và quản trị đô thị thông minh.

6. Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

Phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, tuân thủ quy hoạch ngành quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và điều chỉnh. Trong đó:

a) Mạng lưới giao thông: Phát triển mạng lưới hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, tích hợp đa phương thức; bảo đảm kết nối chặt chẽ nội vùng và liên vùng, đặc biệt là các trục chiến lược kết nối vùng đồng bằng, ven biển với khu vực miền Tây; kết nối giữa các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, cảng biển, cửa khẩu và các đầu mối giao thông quan trọng. Nghiên cứu, phát triển tuyến đường sắt đô thị Vinh - Cửa Lò; quy hoạch, phát triển hệ thống đường thủy nội địa; cảng biển, cảng cạn, cảng hàng không, các trung tâm logistics... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Mạng lưới cấp điện và hạ tầng năng lượng: Phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng theo hướng hiện đại, đồng bộ nguồn điện, lưới điện và hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao, bảo đảm an ninh năng lượng. Chuyển dịch cơ cấu “Xanh” và tối ưu hóa lưới truyền tải. Đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái tự sản tự tiêu, điện sinh khối...) và các nguồn điện khác phù hợp; khuyến khích thủy điện tích năng. Từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có tại khu vực đô thị.

Nghiên cứu xây dựng kho dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia tại khu vực Cửa Lò; phát triển hệ thống kho xăng dầu, kho khí đốt (LNG, LPG) và các hệ thống đường ống dẫn.

c) Hạ tầng số, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối rộng khắp, an toàn, an ninh thông tin. Mở rộng hạ tầng viễn thông băng rộng tốc độ cao; bảo đảm phủ sóng di động 4G, 5G trên toàn tỉnh, chủ động nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để từng bước triển khai, làm chủ công nghệ 6G và các ứng dụng công nghệ di động thế hệ mới; nâng cấp hệ thống truyền dẫn cáp quang dung lượng lớn;

- Hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và điện toán đám mây; Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh; xây dựng các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống quốc gia; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu (giao thông, điện, thủy lợi,...) để hình thành hạ tầng số thông minh (IoT) diện rộng;

- Nâng cao chất lượng hạ tầng bưu chính theo hướng số hóa, gắn với thương mại điện tử, logistics và cung ứng dịch vụ công; khuyến khích các thành phần

kinh tế tham gia đầu tư, khai thác và sử dụng chung hạ tầng.

d) Hệ thống thủy lợi, cấp nước, thoát nước: Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt và phòng, chống thiên tai. Vùng tiêu nước được phân vùng theo hệ thống sông suối tự nhiên và các trục tiêu chính. Ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm làm dự phòng. Phát triển các nhà máy nước liên vùng, nhà máy nước đô thị và mô hình cấp nước phân tán cho vùng khó khăn. Ưu tiên xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị từ loại III trở lên. Nước thải công nghiệp, y tế, làng nghề phải được xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải.

đ) Khu xử lý chất thải và nghĩa trang:

- Đẩy mạnh phân loại chất thải rắn tại nguồn; hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo hướng tập trung, liên vùng, đồng bộ và phù hợp với đặc điểm từng khu vực; từng bước giảm chôn lấp trực tiếp, ưu tiên công nghệ đốt thu hồi năng lượng và phát triển kinh tế tuần hoàn;

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống nghĩa trang, công viên nghĩa trang (có chức năng hỏa táng) và cơ sở hỏa táng theo hướng tập trung, đồng bộ, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu an táng theo hướng hiện đại, văn minh, phù hợp với phong tục, tập quán và điều kiện phát triển của từng địa phương. Kiểm soát quy mô địa táng, khuyến khích các hình thức hỏa táng, lưu giữ tro cốt, sử dụng tiết kiệm đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Ngoài 03 khu công viên nghĩa trang tập trung (tại các xã Kim Bảng, Tân Kỳ, Nghĩa Mai) và 01 cơ sở hỏa táng (xã Hải Lộc) được xác định trong phương án điều chỉnh quy hoạch tỉnh, trong quá trình thực hiện tiếp tục nghiên cứu, rà soát, lựa chọn các địa điểm khác phù hợp với nhu cầu phát triển, điều kiện tự nhiên, quỹ đất, yêu cầu bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan; việc triển khai cụ thể được xác định trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch khác có liên quan theo quy định.

7. Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội

Phát triển mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo phân loại đô thị và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; ưu tiên phát triển hạ tầng xã hội, các công trình phụ trợ, nhà ở công nhân và các thiết chế công đoàn nhằm đáp ứng sự gia tăng nhanh chóng của lực lượng lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh.

8. Định hướng sử dụng đất

Sử dụng tài nguyên đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của tỉnh. Phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo

vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch quốc gia và các quy hoạch ngành khác có liên quan.

9. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp, các ngành; cơ cấu lại nguồn thu ngân sách theo hướng bền vững; khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thu hút mọi nguồn lực xã hội, nhất là tư nhân tham gia các công trình đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng về chính sách, hạ tầng, mặt bằng, nhân lực để thu hút đầu tư, nhất là các dự án quy mô lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp lớn cho thu ngân sách.

b) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực bền vững, bảo đảm cân đối, phù hợp với định hướng và đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực, các khu vực động lực tăng trưởng. Nâng cao chất lượng công tác dự báo nhu cầu về số lượng, cơ cấu trình độ đào tạo đối với từng ngành kinh tế, làm cơ sở cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng. Hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động để giải quyết việc làm cho người lao động. Xây dựng các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện, môi trường làm việc năng động, sáng tạo để đội ngũ trí thức phát huy năng lực, sở trường.

c) Giải pháp về môi trường

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, giáo dục ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, chất lượng môi trường không khí, nước, đất tại các đô thị, lưu vực sông, biển, khu vực khai thác khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ nguồn nước xả thải, chất thải rắn, nhất là chất thải rắn sinh hoạt; bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, tài nguyên rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Chủ động các biện pháp phòng ngừa, giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên.

d) Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung thực hiện tốt khâu đột phá ứng dụng khoa học và công nghệ, tận dụng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ hiện đại, công nghệ cao với các tổ chức trong và ngoài nước có kinh nghiệm đối với các sản phẩm, dịch vụ có thế mạnh của Nghệ An để nâng cao giá trị gia tăng, tính cạnh tranh trên thị trường; phát triển các mô hình sản xuất, quản lý thông minh. Triển khai quy hoạch và xây dựng khu đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng phát triển toàn diện. Huy động các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn xã hội hóa cho phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh liên kết và hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

- Tập trung triển khai chuyển đổi số toàn diện trên ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, lấy dữ liệu làm nền tảng, gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Chủ động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các lĩnh vực công nghệ mới, trong đó có kinh tế không gian tầm thấp. Cùng với đó, tăng cường đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển kinh tế không gian tầm thấp và công nghệ không gian: Ứng dụng UAV, viễn thám và dữ liệu không gian trong quản lý quy hoạch, giám sát đất đai, rừng, nguồn nước và hạ tầng; Ứng dụng công nghệ không gian tầm thấp trong khảo sát địa hình, giám sát xây dựng, kiểm tra hạ tầng giao thông và phòng chống thiên tai; Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ tham gia cung cấp dịch vụ bay chuyên biệt và dịch vụ phân tích dữ liệu không gian; Xây dựng khung quản lý, bảo đảm an toàn - an ninh trong khai thác không gian tầm thấp, tuân thủ quy định pháp luật và kiểm soát rủi ro.

đ) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách theo hướng đồng bộ, phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu đề xuất Trung ương bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù để huy động tối đa các nguồn lực. Duy trì và nâng cao hiệu quả hợp tác đi vào chiều sâu với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước, các địa phương đã ký kết hợp tác với Nghệ An, nhất là các tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh; đồng thời, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới trên cơ sở phát huy tốt tiềm năng và lợi thế lẫn nhau, nhất là các lĩnh vực tỉnh Nghệ An có lợi thế. Tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường sự liên kết phát triển giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và với các doanh nghiệp ngoài tỉnh, nhất là hình thành các cụm liên kết ngành, liên kết theo chuỗi giá trị, tham gia các chuỗi cung ứng.

- Thiết lập và nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác song phương với các tỉnh chung biên giới của Lào, trong đó quan tâm phối hợp quy hoạch cửa khẩu đối xứng, phát triển logistics xuyên biên giới; gắn kết các hành lang Nậm Cắn - Quốc lộ 7A và Thanh Thủy - Vinh - Cửa Lò với các trung tâm kinh tế của Lào, tạo nền tảng phát triển quan hệ giao thương toàn diện, ổn định và bền vững.

e) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Tăng cường quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển và phân bổ hợp lý các đô thị trên địa bàn tỉnh, tạo ra sự phát triển hài hòa giữa các vùng. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp, nâng hạng các đô thị với lộ trình thích hợp; xây dựng và phát triển đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá, gắn với đặc thù của từng khu vực, địa phương. Coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn, nâng cao chất lượng đô thị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; phát triển nông thôn trên cơ sở bảo toàn các khu vực sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, các vùng cảnh quan có giá trị.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quá trình quản lý đô thị và nông thôn: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch và hạ tầng đồng bộ; Ứng dụng GIS và dữ liệu không gian trong giám sát xây dựng, quản lý trật tự đô thị và phát hiện vi phạm; Sử dụng công nghệ không gian tầm thấp (UAV) trong giám sát phát triển đô thị, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và quản lý tài nguyên.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu định hướng mở rộng không gian phát triển của các đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm phù hợp với phương án tổ chức không gian phát triển của tỉnh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

g) Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước

Đề cao, phát huy tính năng động, sáng tạo, tiên phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Xây dựng quy định về phân cấp, ủy quyền gắn với trách nhiệm giữa các cấp chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh phù hợp quy định pháp luật, nâng cao tính chủ động cho các cấp, các ngành. Tập trung xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền các cấp.

h) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác

theo quy định của pháp luật bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thường xuyên cập nhật, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành; kịp thời phát triển và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, hồ sơ và các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung đã và đang thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XIX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *ng*

Nơi nhận: *nh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT *BT*



CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu